| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH QUẢNG NAM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 3590/QĐ-UBND | *Quảng Nam, ngày 07 tháng 12 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Tu bổ, phục hồi Khu di tích Khu ủy khu V thuộc Khu di tích lịch sử cách mạng Trung Trung Bộ - Nước Oa, huyện Bắc Trà My

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình Tu bổ, phục hồi Khu di tích Khu ủy khu V thuộc Khu di tích lịch sử cách mạng Trung Trung Bộ - Nước Oa, huyện Bắc Trà My;*

*Theo Công văn số 6138/UBND-NC ngày 14/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình 592/TTr-STC ngày 30/11/2021 (kèm Báo cáo kết quả thẩm tra số 3163/BC-STC ngày 11/11/2021 của Sở Tài chính và kết quả phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại các Quyết định: số 504/QĐ-UBND ngày 03/3/2017, số 643/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND huyện Bắc Trà My).*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Tu bổ, phục hồi Khu di tích Khu ủy khu V thuộc Khu di tích lịch sử cách mạng Trung Trung Bộ - Nước Oa, huyện Bắc Trà My.

2. Địa điểm: huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

3. Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Thời gian khởi công: 16/10/2012; hoàn thành: 11/9/2019.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 27.712.240.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hóa đầu tư tu bổ, phục hồi các di tích gốc và ngân sách tỉnh.

c) Vốn đầu tư đã thực hiện:

- Vốn đầu tư đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2020: 10.445.239.860 đồng, gồm:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 5.749.703.750 đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh: 4.695.536.110 đồng.

- Kế hoạch vốn năm 2021: không bố trí.

- Thu hồi nộp NSNN theo kết luận của Thanh tra tỉnh: 2.271.000 đồng.

2. Chi phí đầu tư:

| | Tổng dự toán công trình được duyệt (đồng) | Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng) |
|---|---|---|
| Tổng số | 12.181.845.000 | 10.717.214.860 |

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

| Nội dung | Tài sản Chủ đầu tư bàn giao cho UBND huyện Bắc Trà My quản lý sử dụng (đồng) |
|---|---|
| **Tổng cộng** | **10.717.214.860** |
| 1. Tài sản dài hạn (cố định) | 10.717.214.860 |
| 2. Tài sản ngắn hạn | 0 |

4. Tổng các khoản nợ tính (đến ngày chốt sổ lập báo cáo quyết toán):

a) Tổng nợ phải thu: 310.799.000 đồng;

b) Tổng nợ phải trả: 585.045.000 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục I đính kèm)*

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư công trình Tu bổ, phục hồi Khu di tích Khu ủy khu V thuộc Khu di tích lịch sử cách mạng Trung Trung Bộ - Nước Oa, huyện Bắc Trà My, số tiền: 10.717.214.860 đồng và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

b) Thu hồi khoản phải thu nộp ngân sách nhà nước, số tiền: 310.799.000 đồng **trước ngày 25/12/2021**. Đồng thời, làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để thanh toán công nợ số tiền: 585.045.000 đồng.

2. UBND huyện Bắc Trà My là đơn vị quản lý sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư phải ghi tăng giá trị tài sản, với số tiền: 10.717.214.860 đồng và quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

*(Chi tiết Danh mục tài sản theo Phụ lục II đính kèm)*

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bắc Trà My và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT . CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Quang**

**Phụ lục I**

**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ**

**công trình: Tu bổ, phục hồi Khu di tích Khu ủy khu V thuộc Khu di tích lịch sử cách mạng Trung Trung Bộ - Nước Oa, huyện Bắc Trà My**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 12 /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Tên cá nhân, đơn vị thực hiện | Nội dung | Chi phí đầu tư được quyết toán | Đã thanh toán | Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Nợ phải trả | Nợ phải thu |
| | **TỔNG CỘNG:** | | **10.717.214.860** | **10.442.968.860** | **585.045.000** | **310.799.000** |
| 1 | Công ty TNHH Hưng Thái | Thi công XL (Giai đoạn 1) | 2.378.876.000 | 2.407.953.000 | 0 | 29.077.000 |
| | | Thi công XL (Giai đoạn 2) | 2.710.847.000 | 2.680.782.000 | 30.065.000 | 0 |
| | | Thi công XL (Giai đoạn 3) | 2.583.055.000 | 2.662.497.000 | 0 | 79.442.000 |
| 2 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | QLDA (giai đoạn 1) | 56.385.000 | 311.570.000 | 0 | 187.106.000 |
| | | QLDA (giai đoạn 2) | 68.079.000 | | | |
| 3 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | QLDA (giai đoạn 3) | 12.256.200 | 0 | 12.256.200 | 0 |
| 4 | BQL dự án đầu tư xây dựng tỉnh | QLDA (giai đoạn 3) | 49.024.800 | 0 | 49.024.800 | 0 |
| 5 | Công ty cổ phần Viện Quy hoạch Đô thị và nông thôn Quảng Nam | Chi phí lập dự án | 93.071.000 | 79.110.000 | 13.961.000 | 0 |
| | | Chi phí lập hồ sơ thiết kế BVTC - dự toán (giai đoạn 1) | 62.720.000 | 53.312.000 | 9.408.000 | 0 |
| | | Chi phí lập hồ sơ thiết kế BVTC - dự toán (giai đoạn 2) | 80.517.000 | 0 | 80.517.000 | 0 |
| | | Chi phí lập hồ sơ thiết kế BVTC - dự toán (giai đoạn 3) | 74.998.000 | 0 | 74.998.000 | 0 |
| 6 | Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Quảng Nam | Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán (giai đoạn 1) | 9.153.000 | 9.153.000 | 0 | 0 |
| | | Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán (giai đoạn 2) | 11.750.000 | 0 | 11.750.000 | 0 |
| | | Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán (giai đoạn 3) | 10.945.000 | 0 | 10.945.000 | 0 |
| 7 | Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Quy hoạch và Thiết kế Quảng Nam | Chi phí lựa chọn nhà thầu (giai đoạn 1) | 7.436.000 | 7.436.000 | 0 | 0 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Công ty Cổ phần TVXD Lập Phát | Chi phí lựa chọn nhà thầu (giai đoạn 2) | 10.832.000 | 10.832.000 | 0 | 0 |
| 9 | Công ty TNHH TVXD Quảng Nam | Chi phí lựa chọn nhà thầu (giai đoạn 3) | 5.932.000 | 0 | 5.932.000 | 0 |
| 10 | Công ty Cổ phần Ngọc Chí Bảo | Chi phí giám sát thi công xây dựng (GĐ1) | 60.117.000 | 49.482.000 | 10.635.000 | 0 |
| 11 | Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Lập Phát | Chi phí giám sát thi công xây dựng (GĐ2) | 60.873.000 | 50.000.000 | 10.873.000 | 0 |
| 12 | Công ty TNHH MTV thiết kế và xây dựng Mỹ Gia | Chi phí giám sát thi công xây dựng (GĐ3) | 65.668.000 | 51.700.000 | 13.968.000 | 0 |
| 13 | Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định công nghệ xây dựng Việt Nam | Chi phí kiểm định chất lượng (GĐ 1) | 17.748.000 | 18.643.000 | 0 | 895.000 |
| | | Chi phí kiểm định chất lượng (GĐ 2) | 30.146.000 | 28.000.000 | 2.146.000 | 0 |
| 14 | Công ty CP Bảo hiểm Hàng không – chi nhánh Đà Nẵng | Chi phí Bảo hiểm công trình (GĐ 1) | 5.035.000 | 5.035.000 | 0 | 0 |
| | | Chi phí Bảo hiểm công trình (GĐ 2) | 7.335.000 | 7.335.000 | 0 | 0 |
| 15 | Công ty Bảo hiểm BIDV Đà Nẵng | Chi phí Bảo hiểm công trình (GĐ 3) | 6.021.000 | 6.021.000 | 0 | 0 |
| 16 | Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K | Chi phí kiểm toán | 126.027.000 | 0 | 126.027.000 | 0 |
| 17 | Sở Tài chính | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán | 19.892.000 | 0 | 19.892.000 | 0 |
| 18 | Sở xây dựng Quảng Nam | Lệ phí thẩm định thiết kế - dự toán | 2.482.000 | 2.482.000 | 0 | 0 |
| 19 | Viện sinh thái và bảo vệ Công trình | Chi phí hạng mục phòng chống mối | 293.239.000 | 263.729.000 | 29.510.000 | 0 |
| 20 | Công ty TNHH MTV Tư vấn dịch vụ Bảo tồn di sản Văn hóa | Chi phí sưu tầm và trưng bày hiện vật | 269.900.000 | 201.357.000 | 68.543.000 | 0 |
| 21 | Ban quản lý dự án - quỹ đất huyện Bắc Trà My | Chi phí bồi thường, GPMB | 1.484.068.860 | 1.484.068.860 | 0 | 0 |
| 22 | Công ty TNHH TVXD và phát triển cơ sở hạ tầng số 1 | Trích đo địa chính | 38.192.000 | 52.471.000 | 0 | 14.279.000 |
| 23 | Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K | Kiểm toán (bồi thường, GPMB) | 3.594.000 | 0 | 3.594.000 | 0 |
| 24 | Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bắc Trà My | Thẩm tra, phê duyệt quyết toán bồi thường, GPMB | 1.000.000 | 0 | 1.000.000 | 0 |

*** Ghi chú:** Tổng số vốn đã thanh toán là 10.445.239.860 đồng, trong đó chi phí phòng chống mối là: 266.000.000 đồng, thực hiện kết luận thanh tra đơn vị đã nộp trả ngân sách số tiền: 2.271.000 đồng. Do đó tổng số vốn đã thanh toán còn lại là: 10.442.968.860 đồng.

**Phụ lục II**

**DANH MỤC TÀI SẢN HÌNH THÀNH SAU ĐẦU TƯ**

**công trình: Tu bổ, phục hồi Khu di tích Khu ủy khu V thuộc Khu di tích lịch sử cách mạng Trung Trung Bộ - Nước Oa, huyện Bắc Trà My**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 12 /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)*

| STT | Tên và ký hiệu tài sản; Quy mô, công suất | ĐVT | Số lượng | Tổng nguyên giá (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng** | | | **10.717.214.860** |
| **1** | **Giai đoạn 1** | | | **3.383.920.463** |
| 1.1 | Tu bổ phục hồi Nhà Võ Chí Công : diện tich 35m2; Kết cấu: Mái lợp lá; cửa bằng phên tre, tường khung gỗ; ghép ván; Trụ bằng bê tông, sơn giả gỗ; góc nhà bố trí hầm chữ A, phía trên đắp đất trồng cây ngụy trang; | Hạng mục | 01 | 981.004.455 |
| 1.2 | **N**hà Thường vụ 1: diện tich 26m2; Kết cấu: Mái lợp lá; cửa bằng phên tre, tường khung gỗ; ghép ván; Trụ bằng bê tông, sơn giả gỗ; góc nhà bố trí hầm chữ A, phía trên đắp đất trồng cây ngụy trang; | Hạng mục | 01 | 840.579.347 |
| 1.3 | Nhà Hội trường: diện tich 88m2; Kết cấu: Mái lợp lá; cửa bằng phên tre, tường khung gỗ; ghép ván; Trụ bằng bê tông, sơn giả gỗ; có hành lang ngoài, mặt bàn bằng nứa; | Hạng mục | 01 | 1.416.496.979 |
| 1.4 | Các hạng mục phụ trợ: Hệ thống điện, cấp thoát nước, PCCC,đường giao thông nội bộ; cây xanh | Toàn bộ | 01 | 145.839.682 |
| **2** | **Giai đoạn 2: (2.1+2.2)** | | | **3.966.157.287** |
| **2.1** | **Công trình** | | | **3.873.403.287** |
| 2.1.1 | Nhà hành chính quản trị: diện tich 35m2; Kết cấu: Mái lợp lá; cửa bằng phên tre, tường khung gỗ; ghép ván; Trụ bằng bê tông, sơn giả gỗ; | Hạng mục | 01 | 717.472.233 |
| 2.1.2 | Nhà Ban cơ yếu: diện tich 35m2; Kết cấu: Mái lợp lá; cửa bằng phên tre, tường khung gỗ; ghép ván; Trụ bằng bê tông, sơn giả gỗ; | Hạng mục | 01 | 512.702.237 |
| 2.1.3 | Nhà Văn phòng: diện tich 88m2; Kết cấu: Mái lợp lá; cửa bằng phên tre, tường khung gỗ; ghép ván; Trụ bằng bê tông, sơn giả gỗ; | Hạng mục | 01 | 1.177.882.078 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2.1.4 | Các hạng mục phụ trợ: Hệ thống điện, cấp thoát nước, PCCC,đường giao thông nội bộ; bia đá di tích, cây xanh, tường rào | Toàn bộ | 01 | 1.465.346.739 |
| **2.2** | **Thiết bị (công cụ, dụng cụ)** | | | **92.754.000** |
| 2.2.1 | Giường nằm cá nhân; Kích thước: 0,8 x 1,9 m, Vật liệu: Gỗ kiền kiền | cái | 3 | 12.593.700 |
| 2.2.2 | Bàn làm việc, tiếp khách; Kích thước: 0,7 x 1,0 m; Vật liệu: Gỗ kiền kiền | cái | 2 | 8.395.800 |
| 2.2.3 | Bàn tiếp khách; Kích thước: 0,7 x 1,0 m; Vật liệu: Gỗ kiền kiền | cái | 2 | 8.395.800 |
| 2.2.4 | Ghế dựa lưng thẳng, Kích thước: 0,45 x 0,8 m;Vật liệu: Gỗ kiền kiền | cái | 16 | 15.992.000 |
| 2.2.5 | Tủ đựng tài liệu Văn phòng; Kích thước: 1,0 m x 1.8m x 0,45m; Vật liệu: Gỗ kiền kiền | cái | 4 | 23.988.000 |
| 2.2.6 | Ảnh tư liệu; Kích thước: 0,5 x 0,7 cm | tấm | 12 | 5.397.300 |
| 2.2.7 | Bảng đồng giới thiệu 03 hạng mục công trình; Kích thước: 45cm x 35cm; Chất liệu: Đồng lá. | cái | 3 | 17.991.000 |
| **3** | **Giai đoạn 3:** | | | **3.367.137.110** |
| 3.1 | Nhà đón tiếp đa năng: diện tich 160m2; Kết cấu móng, cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M200; xây tường bằng gạch không nung VXM M50, xây ốp trụ bằng gạch thẻ VXM M75, bả matits, sơn nước, mái dán ngói 22 viên/m2, nền lát gạch xi măng giả gốm 600x600; Khu vệ sinh ốp gạch 250x400, nền lát gạch ceramic 400x400; Hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng nhựa lõi thép, kính 5ly; hệ thống điện, nước hoàn chỉnh | Hạng mục | 01 | 2.218.275.546 |
| 3.2 | Các hạng mục phụ trợ: Hệ thống điện, nước, cấp thoát nước, PCCC, tường rào, đường giao thông nội bộ | Toàn bộ | 01 | 1.148.861.564 |